

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ quyết định số 79/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/01/2007 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng Nghề đường sắt I; Quyết định số 1029/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/8/2009 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt và quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH ngày 07/02/2017 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt thành Trường Cao đẳng Đường sắt;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu Trường quy định trong Điều lệ Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành tại Quyết định số 846/QĐ-ĐS ngày 30/7/2019 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật mỏ và kỹ thuật khác;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Trung cấp Lái tàu đường sắt. Thời gian đào tạo: 20 tháng (02 năm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trương Trọng Vương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo quyết định số 784/QĐ-CĐĐS ngày 15 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)*

Tên ngành, nghề: Lái tàu đường sắt

Mã ngành, nghề: 5840124

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm (20 tháng)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Chính trị, đạo đức:
 - + Trung thực trong học tập và kiểm tra;
 - + Có tính kiên trì, cẩn thận;
 - + Có ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng vật tư và thời gian;
 - + Luôn giữ gìn và sử dụng đúng các dụng cụ thiết bị đo kiểm tra;
 - + Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp;
 - + Có tinh thần cầu thị, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ;
 - + Luôn hợp tác và tuân thủ sự phân công trong học tập, lao động, thực hành;
 - + Có tinh thần khiêm tốn, giúp đỡ người khác;
 - + Có tinh thần trách nhiệm cao, biết hỗ trợ nhau trong công việc;
 - + Tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.
- Thể chất, quốc phòng:
 - + Có đủ sức khỏe làm việc lâu dài theo yêu cầu của nghề;
 - + Vững vàng kiến thức cơ bản và tham gia hoạt động quân sự phổ thông, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo Lái tàu đường sắt, nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Trung cấp về Lái tàu đáp ứng nhu cầu của ngành Đường sắt và xã hội. Người tốt nghiệp khóa học có khả năng sau:

- Kiến thức:
 - + Nắm vững cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống và thiết bị chính trên một số loại đầu máy thông dụng;
 - + Phân tích được một số bản vẽ cấu tạo đầu máy;
 - + Nêu được đầy đủ các bước kiểm tra đối với mỗi loại đầu máy;
 - + Nêu được nội dung Luật đường sắt, quy trình tác nghiệp Ban lái tàu, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tín hiệu đường sắt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chạy tàu và công tác đồn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. Các thông tư, chỉ thị phục vụ chạy tàu;

- + Liệt kê được các phương pháp và kỹ thuật lái tàu;
- + Mô tả được các quy trình bảo dưỡng sửa chữa đối với từng loại đầu máy;
- + Trình bày được các quy định và trình tự giải quyết tai nạn, sự cố giao thông đường sắt;

+ Trình bày được các quy định liên quan đến chức danh Trưởng tàu trong Luật đường sắt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chạy tàu và công tác đồn đường sắt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tín hiệu đường sắt.

- Kỹ năng:

- + Đọc được bản vẽ kỹ thuật cơ khí: bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp;
- + Thực hiện được các thao tác kiểm tra, chỉnh bị đầu máy theo đúng quy trình;
- + Phát hiện và khắc phục được: các sai sót kỹ thuật khi kiểm tra đầu máy, các hư hỏng phát sinh khi đầu máy đang vận hành;
- + Bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng đầu máy tốt;
- + Thao tác lái tàu thành thạo; chấp hành đúng các quy phạm, quy trình chạy tàu và các công lệnh, chỉ thị về chạy tàu;
- + Giải quyết được một số sự cố, tai nạn giao thông đường sắt;
- + Thực hiện đúng các tác nghiệp trong quy định về chạy tàu hàng sử dụng bộ thiết bị đuôi tàu thay toa xe trường tàu hàng và lái tàu phụ trách đoàn tàu.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, học sinh có cơ hội làm việc trong các Xí nghiệp đầu máy, các khu công nghiệp có sử dụng đầu máy, với chức danh Phụ Lái tàu hoặc sửa chữa đầu máy.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng các môn học, mô đun: 28
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 97 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2005 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 614 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1291 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ BT/TL	Kiểm tra
I	Các môn học chung		255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
MH 03	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45	21	21	3
MH 04	Tin học	3	45	15	29	1

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ BT/TL	Kiểm tra
MH 05	Tiếng Anh	6	90	30	56	4
MH 06	Pháp luật	1	15	9	5	1
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở		165	130	24	11
MH 07	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	30	12	3
MH 08	Điện kỹ thuật	2	30	25	3	2
MH 09	Đường sắt thường thức	2	30	26	2	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường	2	30	25	3	2
MH 11	An toàn lao động	2	30	24	4	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn		1840	484	1267	89
MH 12	Nhiên liệu và vật liệu bôi	2	30	24	4	2
MH 13	Động cơ diesel trên đầu máy	4	60	46	10	4
MH 14	Bộ truyền động thuỷ lực và đảo chiều	2	30	20	8	2
MH 15	Bộ phận chạy đầu máy	2	30	22	6	2
MH 16	Truyền động điện và điện đầu máy	4	60	45	11	4
MH 17	Hãm đầu máy	5	75	50	20	5
MH 18	Kỹ thuật lái đầu máy	4	60	43	13	4
MH 19	Pháp luật về đường sắt	6	90	64	20	6
MH 20	Tổ chức vận dụng đầu máy	2	45	35	7	3
MH 21	An toàn giao thông vận tải đường sắt	3	45	25	16	4
MH 22	Tổ chức vận tải hàng hóa và thương vụ	3	45	38	5	2
MĐ 23	Nghiệp vụ Lái tàu phụ trách đoàn tàu hàng sử dụng thiết bị đuôi tàu	1	45	17	25	3
MĐ 24	Bảo dưỡng, sửa chữa đầu	4	160	14	138	8

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ BT/TL	Kiểm tra
	máy					
MĐ 25	Thực tập lái tàu cơ bản	4	160	23	129	8
MĐ 26	Thực tập sửa chữa	4	160	10	142	8
MĐ 27	Thực tập Lái tàu phụ trách đoàn tàu hàng sử dụng thiết bị đuôi tàu	6	240	0	232	8
MĐ 28	Thực tập Lái tàu	13	505	8	481	16
Tổng cộng		97	2260	708	1439	113

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động ngoại khóa:

- Các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, giáo dục chính trị, văn hoá, xã hội thực hiện theo kế hoạch giáo dục chính trị ngoại khoá hàng năm;
- Học sinh có thể tự nguyện đăng ký tham gia các lớp tin học, ngoại ngữ, sinh hoạt Câu lạc bộ Học sinh - sinh viên ngoài giờ học chính khoá.

4.3. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun:

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành. Thời gian thi kết thúc môn học, mô đun được bố trí sau khi kết thúc môn học, mô đun và không nằm trong thời gian của môn học, mô đun.

- Thời gian thi:

+ Lý thuyết: không quá 120 phút

+ Thực hành: không quá 4 giờ

4.4. Thi cấp chứng chỉ đào tạo: Trưởng tàu hàng

Nội dung thi	Hình thức thi	Thời gian thi
Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Trưởng tàu hàng.	Bài thi thực hành	Không quá 04 giờ

4.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành/nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp;

+ Nội dung thi tốt nghiệp gồm:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	- Trắc nghiệm - Tự luận	90 phút 180 phút
2	Thực hành nghề nghiệp	- Làm bài kỹ năng tổng hợp	Không quá 08 giờ

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học, căn cứ vào quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trong đào tạo hệ chính quy hiện hành của Trường và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp trung cấp cho người học;

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp này và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường

4.6. Các chú ý khác: Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động thực hành, thực tập

- Trong điều kiện cụ thể cho phép, có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến phần lý thuyết của một số môn học, mô đun theo quy chế đào tạo trực tuyến hiện hành của nhà trường.

- Thực hành nghề tại cơ sở để hoàn thiện kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ của học sinh. Do vậy việc lựa chọn hình thức thực hành cũng như phân bổ thời gian tùy điều kiện từng cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn hình thức cho phù hợp nhưng đảm bảo thời lượng đã phê duyệt.

- Học lý thuyết 1 giờ là 45 phút, học thực hành 1 giờ là 60 phút, 1 tuần học 5 ngày và không quá 30 giờ lý thuyết hoặc 40 giờ thực hành.

+ 1 tuần học không quá 30 giờ lý thuyết

+ 1 tuần học không quá 40 giờ thực hành.

+ 1 tín chỉ được qui định bằng 15 giờ học lý thuyết

+ 1 tín chỉ được qui định bằng 30 giờ thực hành

+ 1 tín chỉ được qui định bằng 45 giờ thực tập sản xuất.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

TS. Trương Trọng Vương

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Lái tàu đường sắt

Mã ngành, nghề: 5840124

